

Bản án số: 426/2025/DS-PT

Ngày: 14/7/2025

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản và
góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Tâm.

Các Thẩm phán:

1. Bà Lâm Ngọc Tuyên.

2. Bà Nguyễn Thanh Nhàn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông Võ Trung Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2025/TLPT-DS ngày 26 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 42/2025/DS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 888/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ A, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (Nay là ấp L, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1987. Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (Nay là khu phố C, xã V, tỉnh Đồng Tháp) (có mặt).

* *Bị đơn:*

1. Bà Cao Thị H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã V, tỉnh Đồng Tháp) (có mặt).

2. Ông Lê Công Đ, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố B, xã V, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Lê Phúc Đ1**, sinh năm 2001. Địa chỉ: khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Nay là khu phố B, xã V, tỉnh Đồng Tháp) (có mặt)

** Người kháng cáo:* bị đơn Lê Công Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

** Theo đơn khởi kiện, Đơn khởi kiện bổ sung, B tự khai bổ sung Biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ A có chị Trần Thị Kim P trình bày:*

Bà Cao Thị H, ông Lê Công Đ có nợ bà Nguyễn Thị Mỹ A tổng số tiền là 243.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu đồng) gồm tiền vay và tiền hui, cho đến ngày 15/11/2023 thì bà Mỹ A và bà H có ngồi lại để thống nhất số tiền nợ thì bà H còn nợ lại bà Mỹ A tổng số tiền là 243.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu đồng), bà H mới nói do bà H không có tài sản, không có điều kiện và bà H xin bà Mỹ A cho bà H trả một ngày là 150.000 đồng/ngày (Một trăm năm mươi ngàn đồng/ngày), bà H hứa nhưng bà H không thực hiện, thích thì đưa không thích thì không đưa đồng nào.

Bà H chơi hui và hốt hui cũng như vay tiền của bà Mỹ A để sử dụng vào mục đích cất nhà ở cùng với chồng là ông Lê Công Đ nên số nợ này là nợ chung của bà Cao Thị H với ông Lê Công Đ.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Cao Thị H (tên gọi khác D) và ông Lê Công Đ cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Mỹ A số tiền nợ vay, tiền hui tổng cộng là 243.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu đồng) và tiền lãi theo lãi suất chậm trả với mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 21/8/2023 (âm lịch) cho đến khi xét xử. Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai, bị đơn bà Cao Thị H trình bày:*

Trước đây, bà có nợ bà Nguyễn Thị Mỹ A số tiền nợ hui là 243.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu đồng), do không có khả năng trả một lần nên bà và bà Mỹ A có gặp nhau để trao đổi, bà Mỹ A cho bà trả mỗi ngày là 150.000 đồng/ngày (Một trăm năm mươi ngàn đồng/ngày) kể từ ngày 03/10/2023 (âm lịch) đến ngày 10/10/2024 bà đã trả cho bà Mỹ A đủ số tiền như đã thỏa thuận.

Nay bà Mỹ A yêu cầu bà trả số tiền 243.000.000 đồng và 60.507.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng 303.507.000 đồng, bà không đồng ý vì bà đã trả dần được số tiền 51.000.000 đồng chỉ còn nợ bà Mỹ A số tiền là 192.000.000 đồng và xin trả 150.000 đồng/ngày như trước đây và bà xin không tính phần tiền lãi vì từ khi nợ tiền bà H đã trả cho bà Mỹ A rất nhiều số tiền lãi.

** Bị đơn ông Lê Công Đ trình bày:*

Ông là chồng của bà Cao Thị H. Ông và bà H là vợ chồng sống chung với nhau vào năm 1994, đến năm 2016 thì mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, từ năm 2016 ông về nhà ở thị trấn V sống cho đến nay, giữa ông và bà H đã sống ly thân từ đó cho đến nay không có qua lại gì với nhau nhưng do con còn nhỏ nên chưa làm thủ tục ly hôn, việc bà Cao Thị H có nợ tiền bà Nguyễn Thị Mỹ A có thiếu tiền hay không ông hoàn toàn không biết. Ông không có tham gia về giao dịch này, ông không biết gì hết, ông đề nghị không mời ông nữa.

Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2025/DSST ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ A.

Buộc bà Cao Thị H và ông Lê Công Đ cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ A tổng số tiền là 214.310.400 đồng (Hai trăm mười bốn triệu, ba trăm mười ngàn, bốn trăm đồng), trong đó nợ gốc là 192.000.000 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu đồng), lãi là 22.310.400 đồng (Hai mươi hai triệu, ba trăm mười ngàn, bốn trăm đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 15 tháng 4 năm 2025, bị đơn Lê Công Đ kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ A.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ A về việc không yêu cầu bà Cao Thị H, ông Lê Công Đ trả tiền lãi. Sửa bản án sơ thẩm về nội dung này, các phần khác của bản án sơ thẩm giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Lê Công Đ thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Cao Thị H không kháng cáo.

Ông Lê Công Đ kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, anh Lê Phúc Đ1, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lê Công Đ yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân không tham gia phiên tòa ngay từ đầu.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và yêu cầu kháng cáo ông Lê Công Đ, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[2.1] Về thủ tục tố tụng: Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-DS ngày 02/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây thể hiện có đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Kết quả xác minh của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thể hiện ngày 17/02/2025 khi tiến hành xét xử vụ án tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi” giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ A và bị đơn Cao Thị H thì Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa ngay từ khi khai mạc phiên tòa, đến khi Hội đồng xét xử sơ thẩm nghị án thì

kiểm sát viên mới có mặt, Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên bố quay lại phần thủ tục hỏi nhưng Kiểm sát viên không tham gia hỏi. Sau đó, Hội đồng xét xử tiến hành phần tranh luận, nghị án và tuyên án. Chủ tọa phiên tòa không trở lại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa để giới thiệu Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, phổ biến quyền yêu cầu thay đổi Kiểm sát viên của các đương sự, là có vi phạm trình tự, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án. Mặt khác, hồ sơ vụ án thể hiện từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày mở phiên tòa xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 93, 97 và Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ A mà chỉ tiến hành các hoạt động xác minh để giải quyết đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ A, đây là hai hoạt động tố tụng độc lập, nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự, nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm về vi phạm thủ tục tố tụng này. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông Lê Công Đ yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng không được chấp nhận.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ A khởi kiện yêu cầu bà Cao Thị H và ông Lê Công Đ có nghĩa trả cho bà số tiền 214.310.400 đồng, trong đó vốn gốc là 192.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 15/11/2023 (Dương lịch) đến ngày xét xử là ngày 17/02/2025, với thời gian làm tròn 14 tháng, thành tiền lãi là: $192.000.000 \text{ đồng} \times 14 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 22.310.400 \text{ đồng}$.

Chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm Biên nhận ngày 21-8-2023 (âm lịch), Biên nhận ngày 10 -9 -2023 A1 (Bút lục 09) do bà H viết và ký tên; biên bản tự nguyện thỏa thuận không đề ngày, tháng và năm.

[2.2.2] Bị đơn Cao Thị H thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị Mỹ A số tiền 192.000.000 đồng, sau đó bà có trả thêm cho bà Mỹ A được 10.000.000 đồng, nên chỉ còn nợ lại 182.000.000 đồng, xin trả dần 150.000 đồng/ngày, do bà H bị bệnh hiểm nghèo, không có tiền để trả một lần số tiền 182.000.000 đồng.

[2.2.3] Bản án sơ thẩm nhận định bà Nguyễn Thị Mỹ A và bà Cao Thị H thống nhất bà H còn nợ số tiền 243.000.000 đồng và thỏa thuận bà H có nghĩa vụ trả cho bà Mỹ A mỗi ngày trả 150.000 đồng/ngày, bắt đầu thực hiện từ ngày 15/11/2023 cho đến khi hết số nợ 243.000.000 đồng, bà H đã trả được số tiền 51.000.000 đồng. Bà Cao Thị H cho rằng sau đó bà có trả thêm được số tiền 10.000.000 đồng, nên chỉ còn nợ lại 182.000.000 đồng nhưng bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc trả số tiền 10.000.000 đồng và bà Mỹ A không thừa nhận. Từ đó, bản án sơ thẩm xác định bà H còn nợ bà Nguyễn Thị Mỹ A số tiền 192.000.000 đồng, là phù hợp. Bản án sơ thẩm cũng nhận định thời điểm bà Cao Thị H lập các biên nhận thể hiện ông Lê Công Đ là chồng của bà, việc bà H và ông Đ là vợ chồng, sử dụng tiền vay, hui vào mục đích chung khi còn là vợ chồng nên bản án sơ thẩm buộc bà H và ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Nguyễn Thị Mỹ A tổng số tiền nợ gốc 192.000.000 đồng, là có căn cứ phù hợp Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đồng thời, bản án sơ thẩm cũng nhận định theo “Biên bản tự nguyện thỏa thuận (về việc vay mượn nợ) ngày 15/11/2023 (Dương lịch)” (Bút lục 06) thì bà Nguyễn Thị Mỹ A cho bà Cao Thị H trả dần mỗi ngày 150.000 đồng cho đến khi hết số tiền 243.000.000 đồng, nhưng bà Cao Thị H không thực hiện đúng theo thỏa thuận và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trần Thị Kim P, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Mỹ A không đồng ý, nên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà Cao Thị H, là có căn cứ.

[2.2.4] Về tiền lãi: Bản án sơ thẩm nhận định từ ngày 15/11/2023, bà Cao Thị H không thực hiện nghĩa vụ theo biên bản thỏa thuận này, nên buộc bà Cao Thị H, ông Lê Công Đ trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ A tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian từ ngày 15/11/2023 (Dương lịch) đến ngày xét xử là 15 tháng 02 ngày, làm tròn 14 tháng, thành tiền lãi là 22.310.400 đồng, là chưa phù hợp. Bởi lẽ, thời gian bà Cao Thị H trả số tiền 243.000.000 đồng, mỗi ngày 150.000 đồng là 04 năm 6 tháng tức đến năm 2027 thì hết thời hạn trả nợ theo thỏa thuận. Trong khi Biên bản tự nguyện thỏa thuận (về việc vay mượn nợ) ngày 15/11/2023 không thể hiện bà H, bà A có thỏa thuận về nghĩa vụ trả lãi của số tiền còn lại khi vi phạm nghĩa vụ trả dần. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Cao Thị H không kháng cáo về tiền lãi.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị Kim P, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ A không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 192.000.000 đồng, xét đây là sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Mỹ A, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2.5] Về nghĩa vụ liên đới của ông Lê Công Đ, Hội đồng xét xử, xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Lê Phúc Đ1, người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Công Đ cho rằng ông Đ và bà H là vợ chồng nhưng sống riêng, ông Đ không tham gia giao dịch chơi hụi, vay tiền với bà Nguyễn Thị Mỹ A, không ký tên vào các biên nhận nợ, nên không đồng ý liên đới với bà Cao Thị H trả số tiền 192.000.000 đồng cho bà Mỹ A. Bà Cao Thị H thì cho rằng bà và ông Đ đã ly thân, việc bà chơi hụi là nhằm mục đích buôn bán nhỏ lẻ (bán bánh mì thịt) và trang trải chi phí chữa bệnh cho bà.

Xét thấy, theo quy định Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giải thích “*Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình*”.

Tại khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*” và tại khoản 1 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này*”

Căn cứ vào những quy định trên, bà Cao Thị H và ông Lê Công Đ là vợ chồng hợp pháp, số tiền nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông bà và nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên ông Lê Công Đ phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Cao Thị H trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ A số tiền nợ 192.000.000 đồng, là có căn cứ.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, là có căn cứ.

[4] Về án phí: Ông Lê Công Đ không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Công Đ. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 42/2025/DSST ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ A.

Buộc bà Cao Thị H và ông Lê Công Đ cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ A số tiền là 192.000.000 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Ghi nhận tự nguyện của nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ A về việc không yêu cầu tính lãi của số tiền vay 192.000.000 đồng.

3. Về án phí: Ông Lê Công Đ được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bà Cao Thị H phải nộp 4.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực 2- Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 2 - Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ vụ án.

DSPT-2025-Tâm

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Tâm